TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN AN** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Tuân

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc Dung

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Võ Thị Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thu L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 73/102/11 Phú L, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông Lê Nhựt H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Số 36/22 Trương Đ, Phường A, thành phố T, tỉnh Long An. Địa chỉ tạm trú: Số 66/4 Hoàng Hoa T, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Dương Thị Thu L trình bày:

Bà và ông Lê Nhựt H tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã S (nay là thành phố S), tỉnh Sóc Trăng, vào ngày 05 tháng 01 năm 2006. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau trong mọi việc, thường

xuyên cãi nhau nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nhật Tr, sinh năm 1997 (đã trưởng thành), và Lê NT, sinh ngày 15/12/2005 hiện đang sống với mẹ. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi cháu NT và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Nhựt H có lời trình bày trong quá trình xét xử (tại biên bản lấy khai ngày 15 tháng 02 năm 2023) có nội dung: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Lê Nhựt H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông H không đồng ý ký nhận các văn bản của Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/02/2023 ông H thống nhất có đăng ký kết hôn với bà L , do bà L không có trách nhiệm với gia đình, không chăm sóc con chung, cả hai đã ly thân từ năm 2008. Nay bà L nộp đơn yêu cầu ly hôn thì ông không có ý kiến, ông không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra chứng cứ và phiên hòa giải.

Tại phiên tòa, vị đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An nhận định quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Hội đồng xét xử đều tuân theo qui định pháp luật tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo qui định pháp luật. Bị đơn vắng mặt nhưng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên có căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét mâu thuẫn giữa bà L và ông H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, các bên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Dương Thị Thu L nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Lê Nhựt H có địa chỉ cư trú tại thành phố T, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[1.1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thu L và ông Lê Nhựt H tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, thị xã S

(nay là thành phố S), tỉnh Sóc Trăng, vào ngày 05/01/2006, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện việc bà L có yêu cầu ly hôn, nuôi con chung Lê NT khi ly hôn, ông H thừa nhận bà L không có trách nhiệm với gia đình, cả hai đã ly thân từ năm 2008, ông không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà L xác định không còn tình cảm gì với ông H, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên thường xuyên cãi nhau và đã ly thân từ năm 2008, do đó bà cương quyết ly hôn với ông H. Điều này chứng minh quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L với ông H.

[2.2] Về quyền nuôi con: Bà L và ông H có 02 con chung tên Lê Nhật T, sinh năm 1997 (đã trưởng thành), và Lê NT, sinh ngày 15/12/2005 hiện đang sống với mẹ. Ông H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tại biên bản lấy lời khai ông H thừa nhận cháu Lê NT đang sống tại Sóc Trăng với bà L , ông không có ý kiến về yêu cầu muốn nuôi dưỡng cháu Tín của bà L . Xét thấy, cháu Tín đã trên 07 tuổi và đã thể hiện ý kiến khi ba mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ, hiện tại cháu đang sinh sống tại Sóc Trăng với mẹ. Do đó trên cơ sở cân nhắc điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của các bên và để đảm bảo cho sự ổn định, phát triển bình thường của con chung. Căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Lê NT cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp đương sự có tranh chấp về chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thu L xin ly hôn với ông Lê Nhựt H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Thu L được ly hôn với ông Lê Nhựt H**.**

2. Về quan hệ con chung: Bà Dương Thị Thu L được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nhật Tín, sinh ngày 15/12/2005. Ông Lê Nhựt H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Dương Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0002059 ngày 10/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An để thi hành.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND TPTA;
- Chi cục THADS TPTA;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Hương